| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH BÌNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2025
V/v tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Ông Phạm Văn Liệt.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh P*: Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số D, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 14/01/2025).

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số H, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Bà Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; bà Bùi Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn ông Trần Thanh P có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thanh V trình bày:*

Vào ngày 17/01/2019, bà Bùi Thị Thanh T có vay của ông Trần Thanh P số tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi suất không có ghi trong biên nhận nhưng có thỏa thuận miệng là 1,66%/tháng, thời hạn vay không có ghi trong biên nhận nhưng thỏa thuận miệng là 12 tháng; bà T có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận 17/01/2019 do ông P đánh máy sẵn. Đồng thời, bà T và ông P có ký hợp đồng mua bán xe mô tô ngày 17/01/2019 đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51, được Ủy ban nhân dân thị trấn T chứng thực ngày 06/3/2019. Sau khi nhận tiền thì bà T giao cho ông P giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51, còn bà T vẫn giữ xe mô tô để sử dụng. Tuy nhiên, bà T không trả cho ông P được số tiền gốc và lãi nào.

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2024, ông P yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe ngày 17/01/2020 giữa ông P với bà T, đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51; ông P yêu cầu bà T trả cho ông P số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên nhận ngày 17/01/2019 của bà T; đồng thời, ông P yêu cầu bà T trả cho ông P tiền lãi chậm trả với lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 5.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 17/01/2019 đến ngày 17/9/2024 là 68 tháng x 83.000 đồng = 5.644.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 10.644.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 18/9/2024 cho đến ngày Tòa án đưa ra Quyết định hoặc bản án giải quyết vụ án.

Ông P xác định sau khi Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 02/12/2024 thì bà T có trả cho ông P số tiền gốc 2.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền gốc là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Nay ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông P yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán xe ngày 17/01/2019 giữa ông Trần Thanh P với bà Bùi Thị Thanh T, đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51; ông P yêu cầu bà T trả cho ông P số tiền gốc còn lại là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên nhận ngày 17/01/2019 của bà T. Ông P đồng ý trả cho bà T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51.

*- Bị đơn bà Bùi Thị Thanh T:* Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Bùi Thị Thanh T vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến***:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P: Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ngày 17/01/2019 giữa ông Trần Thanh P với bà Bùi Thị Thanh T, đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51 là vô hiệu; buộc bà T chịu trách nhiệm trả cho ông P số tiền vay gốc còn lại là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); ông P chịu trách nhiệm trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51, do Công an huyện T cấp ngày 03/10/2013 cho bà Bùi Thị Thanh T.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Hợp đồng mua bán xe mô tô ngày 17/01/2019 giữa ông Trần Thanh P với bà Bùi Thị Thanh T (Bản chính);

- Biên nhận ngày 17/01/2019 của bà Bùi Thị Thanh T (Bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên bà Bùi Thị Thanh T (Bản photo, đã đối chiếu bản chính).

- Hợp đồng ủy quyền ngày 14/01/2025 của ông Trần Thanh P (Bản chính).

- Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 25/02/2025 của ông Trần Thanh P (Bản chính).

- Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2025 đối với người làm chứng bà Phạm Thị T1 (Bản chính).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"*, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Bùi Thị Thanh T hiện nay cư trú tại ấp N, xã T, huyện T,

tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thanh P là bà Nguyễn Thanh V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Bùi Thị Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, bà T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Trần Thanh P xác định ông P chỉ yêu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ngày 17/01/2019 giữa ông Trần Thanh P với bà Bùi Thị Thanh T, đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51 là vô hiệu; buộc bà T chịu trách nhiệm trả cho ông P số tiền vay gốc còn lại là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); ông P chịu trách nhiệm trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51, do Công an huyện T cấp ngày 03/10/2013 cho bà Bùi Thị Thanh T. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông P là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét việc giao kết hợp đồng mua bán xe mô tô ngày 17/01/2019 giữa các đương sự và tính hợp pháp của hợp đồng mua bán xe: Ông P xác định việc ông P giao kết hợp đồng mua bán xe mô tô giữa ông P và bà T là giả tạo, thực tế ông P cho bà T vay tiền với số tiền gốc là 5.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là là 1,66%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi bà T nhận tiền thì chỉ giao bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của bà T cho ông P giữ, còn bà T vẫn sử dụng xe mô tô. Người làm chứng bà Trần Thị T2 (là mẹ chồng của bà T) cũng xác định bà T có vay tiền ông P số tiền gốc là 5.000.000 đồng với hình thức ký hợp đồng mua bán xe mô tô.

Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về "Giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo" cụ thể như sau:

"1. *Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan.*

*2. Trường hợp xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ*

*với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu*".

Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng mua bán xe mô tô ngày 17/01/2019 giữa ông P và bà T là hợp đồng giả tạo, nên bị vô hiệu theo quy định pháp luật. Ông P yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét hợp đồng vay tiền giữa ông P và bà T và tính hợp pháp của hợp đồng vay tiền: Căn cứ vào biên nhận ngày 17/01/2019, thể hiện bà T đã nhận số tiền 5.000.000 đồng của ông P. Ông P xác định đây là số tiền ông P cho bà T vay; hợp đồng thực tế bị che dấu giữa ông P và bà T là hợp đồng vay tiền. Nội dung biên nhận cho thấy tại thời điểm ông P cho bà T vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tiền ngày 17/01/2019 giữa ông P và bà T là hợp đồng có thật và có hiệu lực pháp luật.

Tại biên nhận ngày 17/01/2019 không thỏa thuận thời hạn vay tiền, nên việc ông P khởi kiện tại Tòa án vào tháng 11/2024 đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bà T chỉ trả được số tiền 2.000.000 đồng và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả hết nợ cho ông P, nên bà T đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với ông P.

Ông P cam đoan chữ ký và chữ viết họ tên người nhận tiền biên nhận là của bà Bùi Thị Thanh T, đồng thời cam đoan bà Bùi Thị Thanh T là người vay tiền với bà Bùi Thị Thanh T là bị đơn là cùng một người, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc bà T đã trả xong tiền nợ cho ông P, thì ông P chịu trách nhiệm.

Bà Bùi Thị Thanh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của bà T.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi, ông P xác định ông P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc ông P yêu cầu là 3.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tiền lãi.

Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*", Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P, buộc bà Bùi Thị Thanh T chịu trách nhiệm trả cho ông P số tiền vay gốc còn nợ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Xét việc trả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho bị đơn: Nguyên đơn ông P xác định ông P đã giao xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51 cho bà T; nay ông P chỉ yêu cầu bà T trả tiền gốc nên ông P có nghĩa vụ trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51, do Công an huyện T cấp ngày 03/10/2013 cho bà Bùi Thị Thanh T là phù hợp.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định

của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Bùi Thị Thanh T phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 124, 357, 463, 466, 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 , điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.

Tuyên bố hợp đồng mua bán xe mô tô ngày 17/01/2019 giữa ông Trần Thanh P và bà Bùi Thị Thanh T, đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51 là hợp đồng giả tạo, nên bị vô hiệu. Hợp đồng vay tài sản ngày 17/01/2019 giữa ông Trần Thanh P và bà Bùi Thị Thanh T đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là hợp đồng có hiệu lực.

Buộc bà Bùi Thị Thanh T chịu trách nhiệm trả lại cho ông Trần Thanh P số tiền vay gốc còn nợ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Trần Thanh P có trách nhiệm trả lại cho bà Bùi Thị Thanh T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển số 66B1 – 153.51, do Công an huyện T cấp ngày 03/10/2013 cho bà Bùi Thị Thanh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị Thanh T phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Thanh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007095 ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Thùy Trang**